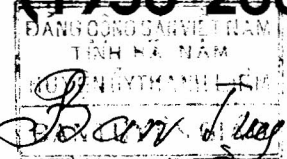


ĐC 215

L 302 S

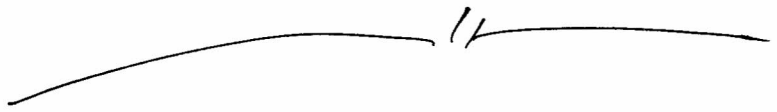
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM (1930-2005)



Đảng ủy giáo H.4
Thanh Liêm
KÍNH BIỂU

ĐC: 562



THANH LIÊM, THÁNG 8-2009

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY THANH LIÊM

TRINH VĂN THỰC	- Trưởng ban
PHẠM VĂN ĐÔNG	- Phó ban
NGUYỄN ĐỨC HIỂN	- Ủy viên
LÊ MẠNH HỒNG	- Ủy viên
CAO XUÂN ẤP	- Ủy viên
NGUYỄN VĂN ĐIỀU	- Ủy viên
TRẦN VĂN ĐÁM	- Ủy viên
TRẦN HỮU TUYẾN	- Ủy viên
NGUYỄN NGỌC OANH	- Ủy viên

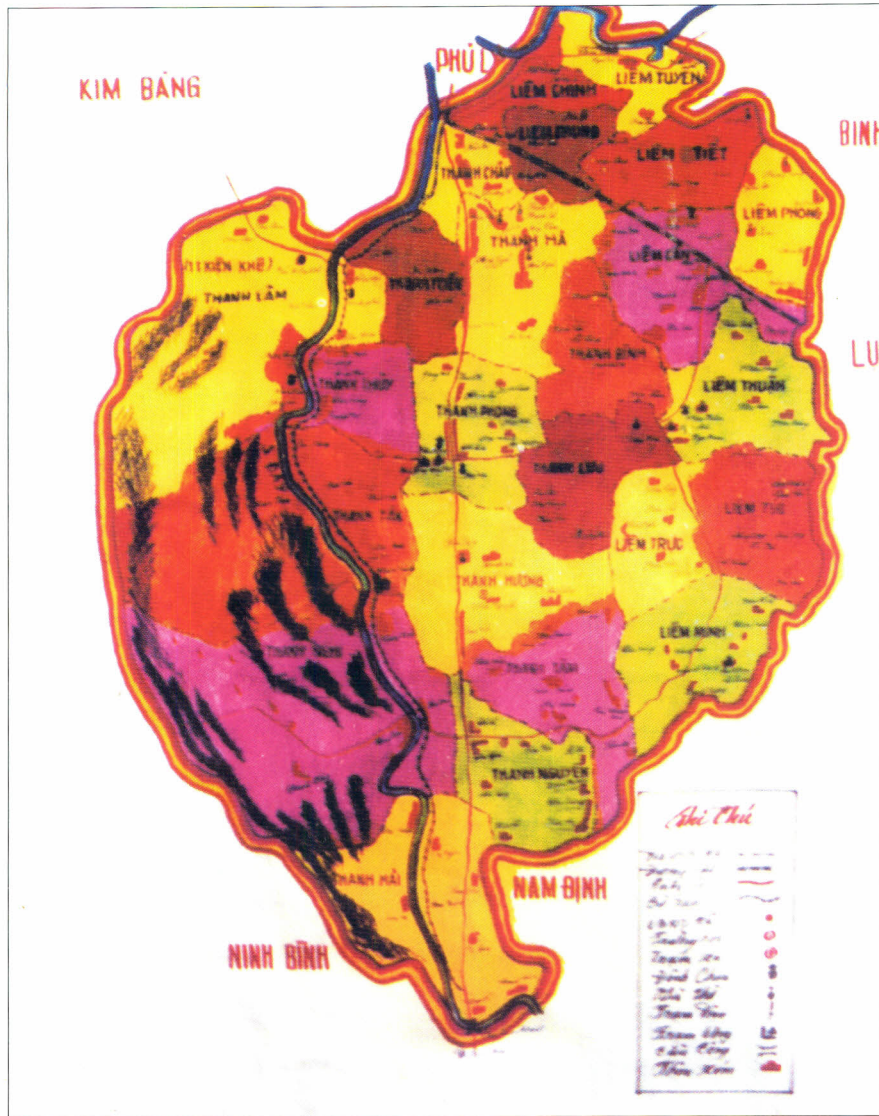
BAN SƯU TẦM

LÊ MẠNH HỒNG
NGUYỄN NGỌC OANH
ĐOÀN THỊ VÂN KHÁNH

BAN BIÊN SOẠN

PGS, TS NGÔ NGỌC THẮNG - TS NGUYỄN NGỌC HÀ
(Đồng chủ biên)

TS NGUYỄN DUY HẠNH	THS NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄN
TS BÙI THỊ THU HÀ	THS NGUYỄN THU HÀ
THS NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	CN LÊ TUẤN VINH
THS NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	CN ĐẶNG MINH PHỤNG
THS BIỆT THỊ HOÀNG NGỌC	



Bản đồ hành chính huyện Thanh Liêm thời kỳ 1956 - 1975.

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm đã chỉ đạo tổ chức biên soạn Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Liêm tập I (1930-1954), Tập II (1954-1975), Tập III (1975-2000). Sau khi xuất bản, các cuốn sách đã bước đầu đáp ứng được nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện. Tuy nhiên, do mới chỉ dừng lại ở mức độ bản sơ thảo nên các cuốn sách còn có những hạn chế nhất định, cần phải tiếp tục được bổ sung, chỉnh sửa; hơn nữa cuốn lịch sử còn chia làm 3 tập mang tính rời rạc, chưa đồng bộ. Vì vậy, để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm, tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm khoá XXVII tiếp tục chỉ đạo biên soạn, bổ sung hoàn chỉnh cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Liêm (1930-2005).

Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Liêm (1930-2005) phản ánh khá toàn diện, trung thực một chặng đường lịch sử gian khổ, khó khăn nhưng cũng đầy vẻ vang, với nhiều thành tựu to lớn đã đạt được trong suốt thời gian gần một thế kỷ qua của Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Liêm. Cuốn sách được xuất bản có ý nghĩa quan trọng trong công tác chính trị - tư tưởng của Đảng bộ Thanh Liêm, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ các giá trị truyền thống, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm có tác dụng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của của tổ chức cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ nhận thức lịch sử đúng đắn sẽ biến thành hành động cách mạng, phục vụ sự nghiệp xây dựng quê hương Thanh Liêm ngày càng giàu mạnh.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách này, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I, Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Hà Nam, các cơ quan lưu trữ của Trung ương, của Tỉnh uỷ Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình cùng các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Đồng thời, Ban Biên soạn cũng tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt, nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ hoạt động trên địa bàn của huyện, các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ các khoá và kết quả của Hội nghị toạ đàm Lịch sử Đảng bộ huyện.

Nhân dịp kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Tám (8/1945-8/2009) và Quốc khánh 2-9 (2/9/1945-2/9/2009), Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc. Nhân dịp cuốn sách được phát hành, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm xin trân trọng cảm ơn các cơ quan, đoàn thể, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt và nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ, cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã tích cực đóng góp ý kiến và giúp đỡ về nhiều mặt để cuốn sách sớm được hoàn thành.

Mặc dù Ban Biên tập đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm bổ sung tư liệu, biên soạn, song do những khó khăn chủ quan và khách quan, cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để nâng cao chất lượng cuốn sách trong lần tái bản sau.

TM. BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN THANH LIÊM

BÍ THƯ

TRỊNH VĂN THỰC

PHẦN MỞ ĐẦU

THANH LIÊM - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và địa dư hành chính

Thanh Liêm là huyện đồng bằng chiêm trũng, bán sơn địa, nằm ở phía Tây Nam tỉnh Hà Nam, trên toạ độ 20⁰,27' độ vĩ Bắc; 105⁰,75' độ kinh Đông. Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý và huyện Duy Tiên; phía Đông giáp huyện Bình Lục; phía Nam giáp huyện Ý Yên (tỉnh Nam Định) và huyện Gia Viễn (tỉnh Ninh Bình); phía Tây giáp huyện Lạc Thủy (tỉnh Hoà Bình). Diện tích tự nhiên của huyện là 174,4km², dân số có 137.500 người¹.

Trong quá trình phát triển, vận động cùng lịch sử quốc gia dân tộc, huyện Thanh Liêm nhiều lần có sự thay đổi về địa dư hành chính và tên gọi. Địa danh Thanh Liêm có từ thời Trần². Lúc đó, đất nước được chia thành 24 lộ, Thanh Liêm thuộc châu Lý Nhân, lộ Đại La Thành. Giai đoạn bị quân Minh đô hộ, Thanh Liêm do châu Lý Nhân lãnh, lệ vào phủ Giao Châu. Đời nhà Lê, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đơn vị hành chính *lộ*, *châu* bị bãi bỏ, lập đơn vị hành chính *phủ*, đổi đơn vị hành chính *đạo*

¹ Theo số liệu thống kê năm 2005.

² Chữ Thanh nghĩa Hán tự là “trong”, đến thời nhà Lê (thế kỷ XV) lại đổi chữ Thanh nghĩa là “xanh”.

thành *thừa tuyên*. Vùng đất Hà Nam trong đó có huyện Thanh Liêm là phủ Lý Nhân, thuộc thừa tuyên Sơn Nam. Thời Lê Trung Hưng, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), triều đình chia trấn Sơn Nam thành Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ, phủ Lý Nhân thuộc trấn Sơn Nam Thượng. Thời nhà Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) cách viết chữ Lý được đổi thành chữ Lý, huyện Thanh Liêm nằm trong phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội. Lúc này, Thanh Liêm bao gồm 8 tổng với 63 xã, thôn. Đến đầu thế kỷ XIX, huyện Thanh Liêm có 7 tổng với 57 xã, thôn, phường, trang, sở¹.

Sau khi Bắc Kỳ trở thành xứ nửa bảo hộ của thực dân Pháp, ngày 21-3-1890, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cắt 3 huyện Nam Xang, Bình Lục và Thanh Liêm (thuộc phủ Lý Nhân) để thành lập phủ Liêm Bình. Đến ngày 20-10-1890, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định thành lập tỉnh Hà Nam, bao gồm toàn bộ phủ Liêm Bình, 17 xã của 2 huyện Vụ Bản và Thượng Nguyên (thuộc tỉnh Nam Định), phủ Lý Nhân (gồm 2 huyện Duy Tiên và Kim Bảng), cùng 2 tổng Mộc Hoàn và Chuyên Nghiệp (thuộc huyện Phú Xuyên - phủ Thường Tín - tỉnh Hà Nội)². Thanh Liêm trở thành một huyện của tỉnh Hà Nam mới thành lập. Đầu những năm 20 của thế kỷ XX, tỉnh Hà Nam bao gồm 6 phủ, huyện, châu với 44 tổng và 390 xã, trong đó huyện Thanh Liêm có 8 tổng và 66 xã. Đến năm 1928, Thanh Liêm có 9 tổng và 69 xã. Năm 1934, thị trấn Phủ Lý nằm trong huyện Thanh

¹ Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: *Địa chí Hà Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2005, tr.1225.

² Theo BOI.C, 1890, phần 2, tr.1058, Trung tâm Lưu trữ TWI.

Liên, bao gồm các thôn Châu Cầu, Quy Lưu, Bảo Thôn và Tân Khai được tách riêng ra thành thị xã Phù Lý.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Thanh Liêm là một huyện thuộc tỉnh Hà Nam. Tháng 11-1946, để chuẩn bị kháng chiến toàn quốc, cả nước được chia thành 12 khu, Thanh Liêm cùng với các huyện còn lại của tỉnh Hà Nam nằm trong Khu II. Đến đầu năm 1948, Nhà nước bãi bỏ cấp khu, thành lập cấp Liên khu, tỉnh Hà Nam thuộc Liên khu III (hợp nhất Khu II, III và XI trước đây).

Từ sau hoà bình lập lại ở miền Bắc (1954) cho đến nay, tỉnh Hà Nam trải qua nhiều lần sáp nhập và tách tỉnh. Ngày 21-4-1965, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá III, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết về việc thành lập tỉnh Nam Hà trên cơ sở sáp nhập tỉnh Nam Định với tỉnh Hà Nam. Thanh Liêm là một trong 16 huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Nam Hà. Ngày 27-12-1975, tỉnh Nam Hà hợp nhất với tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 4-1977, huyện Thanh Liêm sáp nhập với huyện Kim Bảng và thị xã Hà Nam¹ thành huyện Kim Thanh. Đến tháng 4-1981, Kim Thanh được tách thành 3 đơn vị cấp huyện, thị như cũ. Đồng thời, xã Thanh Chung chia tách thành 2 xã (Thanh Châu và Liêm Chung), xã Thanh Châu cắt về thị xã Hà Nam. Đến tháng 1-1983, xã Thanh Giang tách thành 2 xã (Liên Chính và Liêm Tuyên), xã Liêm Chính cắt về thị xã Hà Nam. Năm 1991, kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII (năm 1991) ra Nghị quyết phê chuẩn tách tỉnh Hà Nam Ninh thành tỉnh Nam Hà và Ninh Bình như trước đây. Ngày 1-1-1997, tỉnh Hà Nam được

¹ Từ năm 1965 đến 1996, thị xã Phù Lý có tên là thị xã Hà Nam.

tái lập theo Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại kỳ họp thứ 10 khoá IX (6-11-1996) tách tỉnh Nam Hà thành 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam. Thanh Liêm trở thành 1 trong 6 huyện, thị xã của tỉnh Hà Nam. Đến 2000, xã Liêm Chung cắt về thị xã Phủ Lý, huyện Thanh Liêm còn 19 xã và 1 thị trấn.

Thanh Liêm có địa hình đa dạng bởi những cuộc vận động kiến tạo địa chất phức tạp cách đây hàng chục triệu năm, với sự tương phản giữa địa hình đồng bằng và đồi núi. Đất đai ở đây chia thành 2 vùng rõ rệt: phía Đông là miền đồng bằng ô trũng (do phù sa sông Đáy và sông Châu bồi đắp), chiếm phần lớn diện tích của huyện, độ cao trung bình 2 - 3m. Ở giữa vùng đồng bằng ô trũng nổi lên dãy núi đồi đất, kéo dài hàng chục kilômét trải dài theo hướng Bắc - Nam, với nhiều điểm cao, trong đó điểm cao nhất là 139,8m (núi Đụn). Phía Tây huyện là dãy núi đá vôi, như bức tường thành làm ranh giới giữa Thanh Liêm và huyện Lạc Thủy (Hòa Bình). Dãy núi gồm có 99 ngọn, có nhiều hang động tự nhiên, có hang động sức chứa từ 30 đến 500 người, có suối uốn lượn tạo nên một vùng cảnh quan sơn thủy hữu tình, ngọn cao nhất là 488m.

Địa hình đồi núi tạo ra nhiều cảnh quan đẹp như núi Hàm Rồng, Thung Ngàn, hang Gióng Lở (xã Thanh Nghị); núi Chiềng, núi Sơn, núi Vẻ Vang (xã Thanh Tâm); núi Trinh Tiết, núi Rùa, Kẽm Trống, hang Rái Đằm (xã Thanh Hải); núi Voi, núi Mốc, núi Mâm Xôi, núi Hạc, hang Quê, hang Chuông (xã Thanh Thủy); núi Đụn, khe Non (xã Thanh Lưu); núi Hang (xã Thanh Bình); núi Côi (xã Liêm Cần), núi Thờ, núi Búi (thị trấn Kiện Khê)... Đặc biệt, đoạn sông Đáy thuộc xã Thanh Hải (giáp tỉnh

Ninh Bình) bị kẹp chặt giữa núi đá vôi tạo thành dòng chảy hẹp nhưng rất sâu, có tên gọi là Kẽm Trống - là thắng cảnh du lịch được nhân dân trong và ngoài tỉnh biết đến¹. Những yếu tố tự nhiên nếu được kết hợp với văn hóa, lợi thế về hạ tầng cơ sở và trình độ dân trí cao sẽ tạo nên một thể mạnh trong phát triển du lịch ở Thanh Liêm².

Thanh Liêm có dòng sông Đáy - một nhánh của sông Hồng - chạy dọc từ Bắc xuống Nam huyện. Đây là một con sông lớn trên địa bàn tỉnh Hà Nam³, chảy qua hai huyện Kim Bảng và Thanh Liêm. Sông Đáy vừa cung cấp nước tưới cho đồng ruộng, vừa có vai trò tiêu úng qua hệ thống cống lấy nước, hoặc các trạm bơm kết hợp tưới tiêu như trạm bơm Nham Tràng, Kinh Thanh, Võ Giang. Sông Đáy còn có tác dụng phân lũ cho sông Hồng khi mực nước vượt mức báo động số 3, đồng thời là tuyến đường thủy quan trọng để vận chuyển hàng hóa và đi lại từ Thanh Liêm tới các huyện trong tỉnh và từ tỉnh Hà Nam đi các tỉnh lân cận. Thanh Liêm còn được bao bọc bởi sông Châu Giang ở phía Đông bắc. Ngoài sông Đáy và sông Châu Giang là sông tự nhiên, còn có các con sông Biên Hòa, Đồng Nai, Kinh Thủy, Nguyệt Đức cùng với hệ thống kênh, mương chạy quanh huyện do nhân dân Thanh Liêm đào đắp phục vụ tưới tiêu, góp phần phát triển giao thông đường thủy. Bên cạnh đó, với đặc thù là một huyện đồng bằng chiêm trũng, Thanh Liêm có nhiều ao, hồ, đầm và các thung

¹ Ngày 28-4-1962, thắng cảnh Kẽm Trống đã được xếp hạng cấp Nhà nước.

² Tính đến hết năm 2005, huyện Thanh Liêm có 11 di tích lịch sử và thắng cảnh cấp quốc gia và 9 di tích cấp tỉnh.

³ Chiều dài 47,6km; chiều dài lưu vực 35km, lưu lượng hàng năm khoảng 166,6 triệu mét khối nước.

đầu lớn, là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thủy văn, lưu giữ khối lượng nước khá lớn đáp ứng nhu cầu trong đời sống và sản xuất. Đây cũng là thuận lợi để Thanh Liêm phát triển ngành thủy sản...

Thanh Liêm nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nắng và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình 23°C, độ ẩm tương đối là 88%. Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 1.000-1.200 giờ. Lượng bức xạ phong phú, nền nhiệt cao là điều kiện thuận lợi giúp cây trồng phát triển, cây ăn quả và cây lương thực ngắn ngày quay vòng nhanh, tạo nên tính đa dạng sinh học; các ngành khai thác và chế biến nông - lâm sản phát triển thuận lợi; các ngành du lịch và giao thông có thể hoạt động quanh năm. Tuy vậy, Thanh Liêm cũng chịu không ít khó khăn do điều kiện thời tiết gây ra. Lượng mưa nhiều nhưng phân bố không đều, tập trung tới 70% vào mùa hạ; mùa đông khô lạnh, giá rét kéo dài, lượng mưa ít. Về mùa mưa, Thanh Liêm thường xuyên bị lũ lụt, lũ sông Đáy nhiều năm dâng cao làm sạt lở, vỡ đê, gây ngập úng trên diện rộng.

Đất lâm nghiệp của Thanh Liêm có 3.513 ha, chiếm 37,2% tổng diện tích đất lâm nghiệp toàn tỉnh¹, trong đó, 85% là diện tích rừng tự nhiên, tập trung chủ yếu ở 8 xã vùng núi phía Tây. Do vậy, Thanh Liêm có nhiều tiềm năng về rừng và khai thác lâm sản. Sản phẩm lâm nghiệp chủ yếu là: gỗ, tre nứa, giang, luồng, hóp, song mây... Nơi đây có lợi thế về phát triển các loại cây công nghiệp như chè, dứa, dâu tằm, lạc; các loại cây ăn quả như nhãn, na, bưởi, mận, cam, quýt và một số loại cây cảnh, cây

¹ Niên giám thống kê năm 2000, Phòng Thống kê Huyện Thanh Liêm, tháng 9-2000.

được liệu. Hiện nay, việc trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ tài nguyên rừng kết hợp với phát triển kinh tế vườn đồi đang được đẩy mạnh. Nhiều hộ nông dân phát triển kinh tế đồi rừng kết hợp với chăn nuôi trâu bò, dê, ong... theo mô hình nông - lâm trại, hướng mạnh vào sản xuất hàng hóa. Đặc biệt, dê là vật nuôi rất phù hợp, được nuôi nhiều ở các xã Thanh Tân, Thanh Nghị, Thanh Hải.

Thanh Liêm có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, nhất là đá vôi với những mỏ lớn ở Kiện Khê (trữ lượng 2,2 triệu tấn), Thanh Thủy (12,4 triệu tấn), Thanh Tân (5,3 triệu tấn), là nguyên liệu sản xuất xi măng, vôi, đá vật liệu xây dựng, làm đường, làm hóa chất. Ngoài ra còn có mỏ sét gạch ngói, sét xi măng ở các xã Thanh Tân, Thanh Tâm, Liêm Sơn và Thanh Thủy, đặc biệt là đất sét trắng ở xã Liêm Sơn. Thanh Liêm còn có các loại đá quý hiếm như đá vân hồng tím nhạt, đá vân mây, đá da báo... xẻ làm đá tấm ốp lát. Với nguồn khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn, nhiều cơ sở công nghiệp quan trọng của Trung ương, của tỉnh và của địa phương đã và đang được xây dựng tại Thanh Liêm¹.

Phần lớn diện tích của Thanh Liêm (gồm 16 xã phía Nam huyện) nằm trong tiểu vùng Đông sông Đáy, diện tích lúa chiếm tới 80-90% tổng diện tích canh tác. Với đặc trưng là vùng đồng bằng chiêm trũng, nhiều nơi có địa hình lòng chảo, ít được phù sa bồi đắp nên trước đây khu vực này thường xuyên bị ngập úng, lầy thụt, đất chua và nghèo lân, mỗi năm chỉ canh tác được 1 vụ, từ tháng 6 đến tháng 12 hàng năm là đồng nước mênh mông, từ

¹ Tính đến năm 2005, đã có 105 doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện.

thôn này qua thôn khác thường phải di chuyển bằng thuyền¹. Nhưng nhờ phát triển hệ thống thủy lợi từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX nên đã chủ động được tưới tiêu, canh tác 2-3 vụ/năm. Cùng với việc đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật và đưa giống mới vào sản xuất nên năng suất lúa tăng nhanh, ngay cả những xã vùng trũng như Thanh Hương, Thanh Tâm,... năng suất lúa cả năm cũng đạt từ 90-100 tạ/ha. Những năm gần đây, sản xuất lúa ở vùng này đang chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa với nhiều giống lúa đặc sản đem lại hiệu quả kinh tế cao, dễ tiêu thụ trên thị trường được đưa vào sản xuất đại trà, bước đầu hình thành các vùng chuyên canh lúa hàng hoá đặc sản có quy mô khá lớn. Các xã khu vực tả ngạn sông Đáy có nhiều vùng đất phù sa màu mỡ, có cốt đất cao và tương đối bằng phẳng, thích hợp cho việc canh tác các loại cây công nghiệp (mía, dâu tằm, đậu, lạc, đỗ tương...), cây ăn quả (nhãn, chuối, bưởi, táo, hồng...) và các loại hoa màu (ngô, khoai và rau đậu thực phẩm), là những sản phẩm nông nghiệp vốn nổi tiếng của huyện.

Thanh Liêm có điều kiện thuận lợi cả về đường bộ, đường thủy và đường sắt. Trên địa bàn huyện có hai trục đường quốc lộ huyết mạch chạy qua: quốc lộ 1A dài 16,5km chạy dọc giữa huyện từ Bắc xuống Nam, như sợi chỉ đỏ nối các xã trong huyện thành một hệ thống liên hoàn trong phát triển kinh tế - xã hội, nối liền Thanh Liêm với thành phố Phủ Lý và các huyện trong tỉnh, đồng thời tạo cho Thanh Liêm trở thành vị trí trung chuyển trên tuyến đường trục Bắc - Nam của đất nước; Quốc lộ 21 chạy song

¹ Trước đây thường có câu nói “6 tháng đi bằng chân, 6 tháng đi bằng tay” hay “Thanh Liêm đồng trắng nước trong, lúa gạo thì ít rêu rong thì nhiều”.

song với đường sắt Bắc - Nam, chéo ngang phía Đông Bắc của huyện nối liền thành phố Phủ Lý với tỉnh Nam Định, tạo thuận lợi trong vận chuyển, trao đổi hàng hóa từ vùng đồng bằng phía Đông - Nam châu thổ sông Hồng đến vùng rừng núi phía Tây của tỉnh Hà Nam, Hòa Bình và ngược lại. Nhờ những nỗ lực xây dựng bền bỉ trong nhiều năm, hệ thống đường liên xã của Thanh Liêm đến nay khá hoàn chỉnh với đường ô tô đã đến được trung tâm tất cả các xã. Huyện có hệ thống sông ngòi khá dày đặc tạo thuận lợi cho giao thông đường thủy sớm phát triển. Từ sông Đáy có thể theo sông Châu ra sông Hồng để lên Hà Nội và đi các tỉnh lân cận...

Vị trí địa lý và điều kiện giao thông nêu trên đã tạo lợi thế cho Thanh Liêm trong giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch; đẩy mạnh các hoạt động trao đổi hàng hóa, thương mại, dịch vụ với thành phố Phủ Lý và các huyện trong tỉnh, cũng như với các tỉnh trong vùng và cả nước, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Thanh Liêm giữ vị trí trọng yếu trên con đường huyết mạch Bắc - Nam, với thế tựa lưng vào núi, nhìn ra trước mặt là đồng bằng mênh mông, bốn mùa sông nước. Dãy núi nằm song song với sông Đáy và quốc lộ 1A như một bức tường thành che chắn mặt tây của huyện; là "bản lề" giữa vùng rừng núi và đồng bằng. Phía Đông có dãy núi đất cao như núi Cối, núi Bát, Khe Non, núi Chanh Chè, núi Đụn. Lân cận có núi Đọi Điệp (Duy Tiên), núi Bô, núi Phương Nhi (Ý Yên), núi An Lão (Bình Lục)... Ngay từ thời xưa, Lê Hoàn đã lập đồn binh tại Bưởi; Đinh Công Tráng lập đồn ở núi Voi, núi Cẩm Du; thực dân Pháp lập chốt (poste) ở núi

Côi (Liêm Càn), núi Bô... Ở phía Tây, cả chiều dài từ Bắc đến Nam huyện có dãy đá tai mèo, cây rậm, nhiều hang động, có hang động lớn chứa được hàng trăm người. Với thế núi nhiều điểm cao, nhiều dãy núi dài liên tiếp đã tạo thành thế phòng thủ liên hoàn và thế tấn công thuận lợi, có thể khống chế cả vùng đồng bằng rộng lớn. Đây là nơi có điều kiện thuận lợi để lập căn cứ địa vững chắc, trú quân hoặc tập kết lực lượng. Thời trước ở đây có thành nhà Hồ (Ao Hồ - Đồng Ao - Thanh Thủy); đồn Định Công Tráng ở Thanh Tân... Năm 1944, một tiểu đoàn phát xít Nhật bí mật đồn trú từ Kiện Khê đến Thanh Nghị. Trong kháng chiến chống Pháp, cả dãy rừng là vùng tự do, có căn cứ địa của tỉnh và huyện, nơi trú quân và tập kết quân của ta. 3 tuyến quốc lộ 1A, 21A, quốc lộ 10 tạo thế tam giác nối liền 3 đô thị Phủ Lý - Ninh Bình - Nam Định càng tạo cho Thanh Liêm sự đắc địa về mặt quân sự. Với địa thế ấy, giành và giữ được vùng này là giành được thế chủ động; tiến có thể công, thoái có thể thủ, để mất hoặc bị chặn ở đây sẽ mất khả năng chủ động, khó mở mang, phát triển.

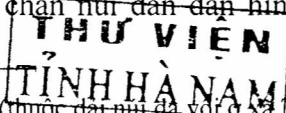
Dưới thời Bắc thuộc, quân xâm lược nhiều lần tấn công vào Thanh Liêm, đặc biệt là vùng Liễu Đồi. Dấu vết của những cuộc tranh chấp xưa còn in đậm trên vùng đất này, những ngôi mộ cổ của quân xâm lược còn nằm trên đồng đất Liễu Đồi và một số xã lân cận, kéo thành một vệt từ bắc Liêm Túc qua Liêm Sơn, đến đồng đất huyện Ý Yên, sang tận vùng Ba Hàng, làng Đước (xã Tiêu Động - huyện Bình Lục). Thành giặc và những đồng tiền cổ của các triều đại Trung Quốc được khai quật cho thấy nơi đây từ xa xưa đã là vùng đất tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch.

Thanh Liêm đứng vị trí thứ hai trong tỉnh về diện tích và dân số; có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế;

nắm giữ vị trí địa lý quan trọng: án ngữ một số tuyến đường chiến lược của tỉnh cũng như của cả nước (quốc lộ 1A, quốc lộ 21, đường sắt Bắc - Nam), giao thông đường thủy trên sông Đáy. Huyện lại nằm gần thủ đô Hà Nội và nằm trọn trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ... Những đặc điểm này quy định vị trí chiến lược của Thanh Liêm về chính trị, an ninh, quốc phòng cũng như trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực.

2. Quá trình hình thành làng xã và quần tụ dân cư

Ở Thanh Liêm nói riêng, cũng như Hà Nam nói chung, dấu tích sinh sống của con người có từ rất sớm. Qua những di tích khảo cổ khai quật được tại hang Chuông và hang Gióng Lở¹, các nhà nghiên cứu cho rằng dấu tích của người nguyên thủy xuất hiện tại Thanh Liêm vào hậu kỳ đá mới, cách đây khoảng trên dưới 5.000 năm. Thời kỳ đầu, họ thường sống thành bộ lạc, ở trong các mái đá và hang động thấp, gần sông suối, tập trung thành từng cụm từ 3 - 4 hang đến 10 hang vây quanh một thung lũng. Thời kỳ tiếp theo, bắt đầu có sự "di dân" từ các hang động, triền núi tỏa dần xuống đồng bằng, nơi có điều kiện đất đai màu mỡ, sông ngòi nhiều nước, thuận tiện cho việc trồng lúa nước. Đây là những người "tiên phong" khai thác châu thổ Bắc Bộ². Các làng chài - nông nghiệp ở ven ~~chân núi dần dần~~ hình thành. Những



¹ Năm 1986, tại hang Gióng Lở (thuộc đại núi đá vôi ở xã Thanh Nghị), người dân thôn Bồng Lạng đã phát hiện một chiếc cuốc đá dưới độ sâu khoảng 1m. Năm 2001, ở di chỉ hang Chuông đã thu được hiện vật gồm: công cụ chạt thô hình mai rùa, có vết ghe đèo ở rìa cạnh, một số mảnh tước và hạch đá. Dấu vết bếp lửa cũng được phát hiện ở một số di chỉ.

² Trần Quốc Vượng: *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1998.

làng mang tên "Kê" (Cổ - Hán Việt) như: Cổ Lễ, Cổ Đông, Cổ Động đã phản ánh dấu tích cư trú của người Việt cổ cách nay hơn 2.000 năm ở Thanh Liêm. Những chủ nhân xưa kia của vùng đất Thanh Liêm đã trải qua một quá trình lâu dài chinh phục, thích ứng và làm chủ vùng đất trũng lầy rồi từng bước phát triển về hướng Đông. Cư dân Thanh Liêm từ những vùng hoang vu rậm rạp, đầm lầy tiến dần về xuôi theo triền các con sông Hồng, sông Đáy... tìm đến những dải đất cao ráo và bắt đầu tiến hành khai hoang, lập ấp, tạo dựng nên những nơi cư trú mới. Họ cùng với những người Việt cổ khác trên khắp cả nước góp phần xây dựng nên nền văn minh bản địa đầu tiên của dân tộc - nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc (còn gọi là nền văn minh Sông Hồng).

Trong quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng dân tộc, ban đầu từ các điểm quần cư rời rạc, phụ thuộc vào thiên nhiên và mang nặng tính chất xã hội truyền thống, từng bước hình thành một hệ thống quần cư tương đối ổn định, phản ánh sâu sắc đặc điểm môi trường bao quanh, đặc điểm kinh tế - xã hội, tâm lý và tập quán sinh hoạt từng địa phương cùng với bản sắc văn hóa chung. Làng xã từ một đơn vị tụ cư dần trở thành một đơn vị kinh tế - xã hội, đơn vị hành chính cơ sở. Các làng ở Thanh Liêm ban đầu hình thành theo một gia đình hoặc một nhóm gia đình cùng huyết thống thường gắn với chữ "xá" (nhà) vốn là một thị tộc cổ xưa, như làng: Cự Xá, Hoàng Xá (Liêm Phong), Triệu Xá (Liêm Tuyền), Dương Xá (Thanh Hà), Đinh Xá (Thanh Hương), Độ Xá (Thanh Lưu), Lại Xá (Thanh Tuyền)... Sau đó, các họ khác cũng được bổ sung dần, chung lưng đấu cật để mở rộng quy mô làng.

Công cuộc khẩn hoang lập làng ở Thanh Liêm diễn ra mạnh mẽ và từ rất sớm. Một điểm quan trọng và đáng chú ý là trong suốt thời kỳ quản tụ dân cư hình thành các làng xã ở Thanh Liêm, người Việt (Kinh) chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối. Trong thời kỳ phong kiến, tuy tên gọi có thay đổi tùy từng triều đại (lý, hương, ấp, trang, giáp...) nhưng làng xã ở Thanh Liêm đã được định hình tương đối rõ nét và ổn định. Ngày nay, do quy mô dân số tăng lên và sự phát triển kinh tế - xã hội, nên một số thôn, trang đã đổi tên hoặc sáp nhập mang những tên mới, nhưng dấu tích của những tên làng xã cổ vẫn còn. Tên của một số làng, thôn chỉ có một từ như: Non, Gừa, Tâng, Cà, Chày, Bói, Kênh, Chanh, Vực, Vải, Trại, Thong, Đào, Lác, Tháp, Đùng... là minh chứng cho quá trình hình thành làng xã và quản tụ dân cư diễn ra từ rất sớm ở đây.

II. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA

1. Hoạt động kinh tế truyền thống

Trong suốt thời kỳ phong kiến, Thanh Liêm nói riêng và Hà Nam nói chung là một vùng nông nghiệp quan trọng. Kinh tế tiểu nông là nét đặc trưng căn bản và bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của huyện. Ngoài ra, còn có các hình thức sở hữu và kinh doanh nông nghiệp khác như quốc khố điền (do binh lính, tội nhân, nô tỳ canh tác dưới hình thức đồn điền, hoa lợi nhập vào quốc khố), tư điền (do hộ gia đình tự canh tác hoặc phát canh thu tô), ruộng tế tự hay tự điền của nhà chùa... Đến thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, kinh tế nhà chùa và kinh tế trang ấp bắt đầu phát triển mạnh.

Về mặt hình thức, các tổ chức kinh tế - xã hội trên đất Thanh Liêm thời phong kiến khá đa dạng: đồn điền, điền trang, thái ấp,

hộ gia đình và kinh tế nhà chùa. Song, về bản chất, đây vẫn là những biểu hiện của nền kinh tế tiểu nông tự cấp tự túc với kỹ thuật và công cụ canh tác lạc hậu, thô sơ, năng suất kém. Trong bối cảnh đó, như mọi miền quê khác ở Việt Nam, "đĩ nông vi bản" là quan niệm truyền thống trong đời sống của dân cư ở Thanh Liêm, trở thành nguyên lý truyền đời cho các thế hệ cư dân vùng đồng trũng.

Với ngành kinh tế chủ đạo là nông nghiệp trồng lúa nước, trong quá trình khai phá vùng đồng bằng châu thổ để lập làng, các thế hệ cư dân Thanh Liêm đã hình thành phương thức trồng lúa thâm canh ở đồng bằng. Trong thời kỳ phong kiến, do thủy lợi chưa phát triển, lại chịu những tác động của thời tiết nên người nông dân Thanh Liêm chỉ có thể canh tác được một vụ/năm, năng suất thấp. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi thả và đánh bắt thủy sản là nghề phụ nhưng là hoạt động kinh tế truyền thống có từ lâu đời của người dân nơi đây. Thanh Liêm có diện tích mặt nước khá lớn với hệ thống sông ngòi chằng chịt, nhiều ao hồ, đồng ruộng thường bị ngập nước, nên nghề chăn nuôi thủy cầm, đặc biệt là nuôi vịt và nghề đánh bắt cá khá phát triển. Chăn nuôi gia súc ở Thanh Liêm có nhiều cơ hội để phát triển nhưng chủ yếu dưới hình thức hộ gia đình, mang tính nhỏ lẻ nhằm bổ sung, tạo điều kiện cho trồng trọt và các nghề thủ công phát triển.

Bên cạnh kinh tế nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở Thanh Liêm phát triển từ rất sớm, với nhiều loại hình đa dạng. Nhiều làng nghề và sản phẩm thủ công của huyện nổi tiếng như nghề thêu ren ở các thôn An Hòa, Hòa Ngãi (Thanh Hà); nghề làm nón ở các thôn Khoái, Quán (Liêm Sơn) và Phố Bói, Bói Hạ (Thanh Phong); nghề làm bún ở Kim Lũ (Thanh Nguyên);

nghe đan thuyền ở thôn Hạ Trang (xã Liêm Phong),... Có những ngành nghề đã nổi tiếng cả nước như nghề nghiền đá, chạm đá, nung vôi (Sở Kiện). Hiện nay, nhiều làng nghề, ngành nghề truyền thống ở Thanh Liêm vẫn được duy trì và mở rộng¹. Bên cạnh đó, có nhiều ngành nghề, làng nghề mới hình thành và phát triển năng động. Các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp ở Thanh Liêm ngày càng đa dạng, phong phú, có mặt ở nhiều thị trường trong và ngoài nước.

Là địa bàn trung chuyển quan trọng giữa các huyện trong tỉnh và giữa tỉnh Hà Nam với các địa phương khác, lại có hệ thống giao thông thủy bộ thuận lợi nên hoạt động thương nghiệp ở Thanh Liêm phát triển từ rất sớm. Trong thời kỳ phong kiến, các hoạt động thương nghiệp chủ yếu diễn ra dưới hình thức mua bán, trao đổi sản phẩm nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp ở các chợ, mang tính cục bộ, ít có điều kiện mở rộng. Hiện nay, hoạt động thương nghiệp có những thay đổi mạnh mẽ, cả về hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý lẫn mạng lưới, thành phần tham gia và cơ chế hoạt động kinh doanh thương mại. Trên địa bàn huyện có 22 chợ², đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa ngày càng gia tăng của sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Các hoạt động xuất - nhập khẩu được đẩy mạnh, mang lại nguồn thu không nhỏ cho ngân sách của huyện và thúc đẩy sản xuất phát triển³.

¹ Nhiều sản phẩm nổi tiếng của Thanh Liêm như sản phẩm thêu của làng nghề thêu ren Thanh Hà đã được xuất khẩu đi nhiều nước châu Âu và Bắc Á.

² Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm: *Đề án phát triển hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn huyện Thanh Liêm thời kỳ 2006-2010*, 2006, tr.5.

³ Nhóm hàng hóa xuất khẩu chủ yếu của huyện là các mặt hàng nông sản, các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp (hàng thêu ren) và các loại vật liệu xây dựng như xi măng, đá vôi, đá siêu mịn.

2. Truyền thống giáo dục và khoa cử

Thanh Liêm có truyền thống hiếu học và khoa cử. Nằm gần kề các trung tâm văn hóa lớn, có giao thông thủy bộ thuận lợi, là điều kiện khá thuận lợi cho việc học hành, thi cử của người dân trong huyện từ nhiều đời nay. Với nền kinh tế nông nghiệp khá phát triển, người dân ở đây có điều kiện để "nuôi thầy, dạy con". Bên cạnh đó, trong suy nghĩ, ý thức và quan niệm xã hội của người dân Thanh Liêm, kẻ sĩ rất được coi trọng. Điều này thể hiện trong các bản hương ước của làng, trong gia phả, gia phong của các dòng tộc. Lâu dần, trải từ đời này đến đời khác, việc học hành đã trở thành nếp nhà, thành gia phong và hình thành truyền thống hiếu học của nhân dân trong huyện. Nhìn chung, trước năm 1945, giáo dục Thanh Liêm thể hiện ở hai điểm chính: *một là*, việc học theo khoa cử Nho giáo; *hai là*, việc học nghề và truyền nghề đối với các nghề thủ công, mỹ nghệ.

Là vùng đất khoa cử, Thanh Liêm đã sản sinh ra nhiều nhà nho học rộng, tài cao, giúp vua trị nước. Tiêu biểu như Hoàng Mông (người xã Bằng Khê - nay là thôn Bằng Khê) đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Mậu Thìn, năm Thái Hòa thứ 6 (1448) đời vua Lê Nhân Tông; Đoàn Đỗ Minh Thái (quê Đống Cầu, xã Liêm Túc) đỗ Hoàng giáp khoa Tân Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 2 (1417) dưới triều vua Lê Thánh Tông. Tại khoa thi Ất Sửu (1685), niên hiệu thứ 6, đời vua Lê Hy Tông có Trương Công (sau đổi tên là Trương Công Giai - hay Khải), sinh năm Ất Ty (1665) ở Thiên Kiện (nay là xã Thanh Tâm) thi đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ khi mới 21 tuổi¹. Tiêu biểu cho truyền thống hiếu

¹ Trương Công làm quan qua hai đời vua Lê Hy Tông và Lê Dụ Tông, làm tới chức Hình bộ Thượng thư và được ban tước Quận công. Khi mất (1728), ông được triều đình truy phong hàm Thiếu bảo.

học và đỗ đạt của huyện là tấm gương Dương Bang Bản (người làng An Cừ - nay là thôn Chầy, xã Liêm Thuận)¹. Năm 33 tuổi, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp) khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484) dưới triều vua Lê Thánh Tông. Suốt chặng đường 30 năm làm quan, ông đã đem tài đức phục vụ đất nước trên nhiều lĩnh vực: sử học, ngoại giao, giáo dục, kinh tế, văn học... Trong đó xuất sắc và tiêu biểu nhất là trên lĩnh vực sử học. Cuốn Việt sử thông giám Tổng luận của ông đã được đưa vào phần mở đầu cho bộ "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư". Với tư cách một sử thần, thông qua lịch sử, ông đã đưa ra những quan điểm về đường lối trị nước, về đạo lý làm người, về chiêu hiền đãi sỹ... Tài năng và đức độ của Dương Bang Bản chẳng những được những người đương thời đánh giá cao, mà những học giả đời sau cũng xem ông là một nhà sử học tiêu biểu, xuất sắc, một danh nhân văn hóa của đất nước. Do hết lòng đem tài đức phụng sự triều đình nên ông được nhà vua ban Quốc tính, đặt tên là Tung (sử sách chép là Lê Tung).

Truyền thống giáo dục và khoa cử ở Thanh Liêm được duy trì và phát triển liên tục theo chiều dài lịch sử. Nhiều người đỗ đạt cao và đóng vai trò quan trọng trong giới trí thức của tỉnh, tiêu biểu như các tiến sỹ Bùi Thức, Bùi Kỳ, Bùi Quế, Bùi Dị, các cử nhân Bùi Hướng Thành, Lương Khánh Thiện,...

Bên cạnh truyền thống khoa cử, người dân Thanh Liêm còn học khá nhiều nghề thủ công như thêu ren (Thanh Hà), làm bún (Thanh Nguyên), làm nón (Liêm Sơn, Thanh Phong),... Nghề nào

¹ Xuất thân từ gia đình nghèo, cha nọe mất sớm, từ nhỏ đã phải đi làm con nuôi gia đình họ Lại ở Sơn Nga nhưng ông là người thông minh, có chí, quyết vượt lên số phận, quyết luyện rèn học tập, nuôi chí thành tài để phò vua, giúp nước.

cũng xuất hiện những tổ sư, những nghệ nhân và phát triển thành *làng nghề*, thành gia nghề truyền đời cho đến tận ngày nay. Nghề thêu ren ở xã Thanh Hà là một điển hình, gồm 7 thôn nằm cạnh quốc lộ 1A, trong đó tập trung chủ yếu ở 2 thôn An Hòa và Hòa Ngãi. Nghề thêu ren Thanh Hà tương truyền đã có vài trăm năm, trước đây còn ở quy mô nhỏ với những sản phẩm đơn giản, việc truyền nghề thường kiêng kỵ đối với người ngoại tộc. Sau khi miền Bắc được giải phóng, làng nghề được mở rộng về quy mô và được truyền dạy rộng rãi, sản xuất không ngừng phát triển, sản phẩm đa dạng, tinh xảo, đã xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới.

Nghề thủ công ở Thanh Liêm có truyền thống lâu đời, được truyền dạy từ đời này đến đời khác và ngày càng được phát huy. Học nghề và học chữ là hai nghiệp học luôn đòi hỏi phải có những bậc thầy giỏi giang, mẫu mực, vì dân; đồng thời cũng đòi hỏi phải có những lớp học trò thông minh, chăm chỉ, và nhất là bền chí khổ luyện. Cả hai yếu tố đó đều hội tụ đủ trong người dân Thanh Liêm.

3. Đời sống văn hóa và tín ngưỡng

Nằm trong cái nôi của nền văn minh sông Hồng - văn minh nông nghiệp lúa nước, là một bộ phận của văn hóa Hà Nam, văn hóa Thanh Liêm gồm cả văn hóa vật thể (di tích đình, đền, chùa, di tích khảo cổ) và văn hóa phi vật thể (văn học dân gian, những phong tục, lệ tục, tôn giáo tín ngưỡng của văn hóa đồng bằng Bắc Bộ: trò chơi dân gian, nghệ thuật điêu khắc v.v...). Ở mức hẹp hơn, văn hóa còn được thể hiện qua cách ăn, ở, mặc, những bộ trang phục, những thói quen sinh hoạt của người dân... Văn hóa Thanh Liêm mang những nét đặc trưng cơ bản (*thứ nhất*, đây là một vùng văn hóa lâu đời, giàu truyền thống; *thứ hai*, đa dạng và phong phú; *thứ ba*, có tính biểu tượng và tính điển hình).

Đời sống văn hóa tinh thần phong phú của người dân Thanh Liêm thể hiện qua những lễ hội được tổ chức xen kẽ quanh năm ở hầu khắp các thôn, xã trong huyện. Các vốn văn nghệ, các trò diễn, trò chơi dân gian được bảo tồn và phát triển. Lễ hội nào cũng tổ chức tế lễ, rước kiệu và những trò vui, trò diễn, các cuộc thi sôi động, hấp dẫn như: hát trống quân (với hai hình thức trên cạn và dưới thuyền) có ở hội đình làng Gừa, làng Sông, làng Cháy (Liêm Thuận); hát ống (Thanh Hải); trò chơi vật cầu (còn gọi là vật cù hoặc tung cầu đánh vật) khá phổ biến ở làng Cháy, làng Gừa (Liêm Thuận), thôn Tam (Liêm Cần), thôn Ứng Liêm (Thanh Hà); hội đua thuyền bơi chải mùa xuân (Thanh Thủy); hát chèo (Liêm Sơn, Kiện Khê) v.v.. Đặc biệt, hình thức hát trống quân trên thuyền là một nét văn hóa độc đáo, một "đặc sản tinh thần" ở vùng văn hóa Liễu Đồi¹.

Văn hóa Liễu Đồi (Liêm Túc) được coi là biểu tượng, là niềm tự hào của nhân dân huyện Thanh Liêm, mà nội dung chủ yếu của nó là tinh thần thượng võ và yêu nước. Hội võ vật Liễu Đồi (hay còn gọi là hội Thánh Tiên)² hàng năm hội tụ các đô vật anh tài trong vùng về dự với niềm tự hào:

*Ngàn năm võ vật đua tài
Vạn năm sông rộng, núi dài tổ tiên.*

¹ Khi đồng đất quê hương vào mùa ngập nước, không thể đào được lỗ trống trên cạn, các trai thanh gái lịch của Thanh Liêm đã cho thuyền bơi ra giữa dòng sông, họ đặt trống quân (hoặc một cái thùng vào trong lòng thuyền) để cho có âm cộng hưởng, rồi võ trống và hát những lời ca đối đáp giao duyên, thuyền nọ hát thuyền kia đối lại, vừa hát vừa bơi thuyền, thuyền nọ nối thuyền kia.

² Được mở vào các ngày từ mùng 5 đến mùng 10 tháng giêng âm lịch hàng năm.

Hội vật võ Liễu Đồi là một tục lệ tiêu biểu cho văn hóa Liễu Đồi. Đối với mọi thế hệ người dân Liễu Đồi nói riêng và Thanh Liêm nói chung, võ vật không chỉ rèn luyện thể lực, ý chí mà còn như một nhu cầu tinh thần, tâm lý, thậm chí như một thứ tôn giáo riêng.

Tinh thần thượng võ, chí khí anh hùng trong chống giặc ngoại xâm của người dân Thanh Liêm còn in sâu trong những câu chuyện cổ, truyện ngụ ngôn, qua những bài ca dao, dân ca, hò, vè được nhân dân truyền tụng. *Tình yêu - lòng yêu nước - chí khí anh hùng* đã quyện chặt, hài hòa và thống nhất trong tâm hồn, suy nghĩ và hành động của người dân Thanh Liêm, làm nên vẻ đẹp nhân văn cho mảnh đất và con người nơi đây.

Cùng với các hoạt động văn hóa, lễ hội dân gian, trong đời sống tinh thần của người dân Thanh Liêm còn có niềm tin vào các tôn giáo, tín ngưỡng. Tiêu biểu cho tín ngưỡng dân gian ở đây là thờ Tứ Pháp¹. Tại Thanh Liêm, có hai nơi thờ Tứ Pháp là chùa Tiên (xã Thanh Lưu) thờ Pháp Vân và chùa Trinh Tiến (xã Thanh Hải) thờ Pháp Vũ. Từ năm 1990 đến nay, việc thờ cúng Tứ Pháp ở Thanh Liêm có xu hướng gia tăng cả về quy mô lẫn phạm vi lễ thức. Chùa Trinh Tiến và chùa Tiên được tu bổ lại khang trang, thu hút người dân địa phương và du khách thập phương về cúng lễ ngày một tấp nập. Ngoài ra, lễ hội Nỗ Nường, một nghi lễ phồn thực biểu trưng cho sự tồn tại và phát triển giống nòi vẫn được duy trì ở làng Chầy (Liêm Thuận).

Đạo Phật sớm ăn sâu trong đời sống tinh thần của người dân Thanh Liêm. Cũng giống như nhiều địa phương ở Bắc Bộ, đạo

¹ Tứ Pháp là 4 vị thần tự nhiên được coi là có ảnh hưởng quyết định đến đời sống nông nghiệp, đó là: thần Mưa (Pháp Vũ), thần Mây (Pháp Vân), thần Sấm (Pháp Lôi) và thần Chớp (Pháp Điện).

Phật phát triển ở Thanh Liêm có sự dung hòa với tín ngưỡng dân gian. Số lượng đình, chùa được xây dựng trên địa bàn huyện khá lớn, hầu hết các xã, thôn đều có đình, chùa; nhiều chùa được xây dựng với quy mô lớn. Huyện Thanh Liêm hiện nay vẫn còn lưu giữ được nhiều ngôi đình, đền cổ, thờ những người có công với dân, với nước, những anh hùng dân tộc như: Đền Ba Xã ở thôn Thạch Tô (xã Thanh Hà) thờ Cao Liên Nương - nữ tướng thời Hai Bà Trưng; đình Yên Xá (xã Thanh Tuyên) thờ tướng quân Lý Thường Kiệt; đình Châu (thị trấn Kiện Khê) thờ Phạm Ngũ Lão - một tướng giỏi thời nhà Trần; đình Ô Cách (cùng với 3 đình ở xã Thanh Thủy) thờ Vũ Cổ - tướng dưới thời Lê Lợi; đình Cháy (xã Liêm Thuận) thờ nhà sử học Lê Tung; đình Bảo Thái (thôn Cối - xã Liêm Càn) thờ Tứ vị Hoàng đế và Tam vị Đại vương¹... Tính đến năm 2005, Thanh Liêm có 11 đình, chùa và đền được xếp hạng cấp quốc gia và 9 di tích xếp hạng cấp tỉnh.

Bên cạnh đạo Phật, đạo Thiên Chúa cũng được du nhập vào Thanh Liêm từ rất sớm. So với các huyện trong tỉnh cũng như các địa phương khác trong cả nước thì Thanh Liêm là huyện có tỷ lệ dân số theo đạo Thiên Chúa vào loại cao (18%). Kê Sở có nhà thờ Kiện Khê, Đại chủng viện, Nhà tu kín... (được xây dựng vào năm 1877) là những công trình kiến trúc tôn giáo lớn, tiêu biểu, có giá trị văn hóa.

¹ Tứ vị Hoàng đế là: Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lê Trung Tôn, Lê Ngoạ Triều (Lê Tương Dực); Tam vị Đại vương là: Nguyễn Minh (Phó thập đạo tướng quân thời nhà Đinh), bà Nhữ Hoàng Đê (quê ở Thanh Hải - Vợ của Nguyễn Minh), ông Thiên Cương (Thần nhà trời xuống phò giúp cùng với vợ chồng Nguyễn Minh).

Trong 4 di tích được tinh công nhận, ngoài thắng cảnh thiên nhiên Kẽm Trống, còn lại đều là những di tích lịch sử, di tích cách mạng gắn liền với các đình chùa. Điều đó chứng tỏ đời sống văn hóa, đời sống tinh thần tín ngưỡng tôn giáo của người dân Thanh Liêm rất phong phú, sâu sắc; đồng thời chứng tỏ nền văn hóa có lịch sử lâu đời, có nét riêng đặc trưng. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, bên cạnh nhiệm vụ hàng đầu là phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện Thanh Liêm đã tập trung chỉ đạo thực hiện cuộc vận động xây dựng các làng văn hóa nhằm lưu giữ và phát triển những giá trị cổ truyền, những nét văn hóa được coi là cội rễ, là bản sắc của vùng đất và con người Thanh Liêm. Từ đó, giáo dục truyền thống hiếu học, truyền thống yêu nước, lòng tự hào quê hương cho thế hệ trẻ.

4. Truyền thống chống giặc ngoại xâm

Do có vị trí chiến lược về chính trị, quân sự, quốc phòng, an ninh mà trong lịch sử, Thanh Liêm luôn là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch, giữa thế lực này với thế lực kia. Đây là bãi chiến trường của nhiều đời mà dấu vết còn in đậm qua những tên thành, tên làng, tên đường xá và qua những di tích khảo cổ đã khai quật được. Tổ tiên, thế hệ cha ông của người dân Thanh Liêm đã trải qua trường kỳ gian khổ chiến đấu để duy trì và phát triển sự sống của quê hương, bảo vệ xóm làng và những phong tục tập quán, những nét văn hóa truyền thống. Mọi sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân đã được huy động triệt để vào sự nghiệp lớn lao ấy, để rồi hun đúc nên truyền thống anh dũng chống giặc ngoại xâm của người dân Thanh Liêm.

Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào của dân tộc, khi họa xâm lăng đe dọa đất nước, quê hương, nhân dân Thanh Liêm đều nhiệt

tình, hăng hái tham gia các cuộc khởi nghĩa hoặc tự mình tổ chức kháng chiến. Thời Hai Bà Trưng, ở làng Thạch Tổ (xã Thanh Hà) có bà Cao Thị Liên đã cùng với người em họ là Hoàng Nghệ xây dựng căn cứ tại Thạch Tổ, tập hợp dân chúng chống giặc Đông Hán. Sau này, bà và quân sĩ đi theo Hai Bà Trưng trừ giặc thắng lợi, được vua ban ân thưởng, gọi bà là Cao Bà Văn Tổ¹. Khi giặc quay lại, Bà lại lên đường dẹp giặc và hi sinh tại Cẩm Khê.

Lê Hoàn (941-1005) - người anh hùng phá Tống, bình Chiêm cuối thế kỷ X vốn quê ở Liêm Cần². Chứng tích được lưu tại làng Ninh Thái - Bảo Thái gồm một khu mộ tổ, đền thờ Lê Hoàn với nhiều di tích liên quan đến nhà Tiền Lê. Trần Bình Trọng (1259-1285) - một vị danh tướng đầy khí tiết nhà Trần theo nhiều tài liệu nói rằng quê ở Liêm Cần³. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược lần thứ nhất (1258), ông không may bị địch bắt khi đang chỉ huy một trận đánh lớn ở bãi Đà Mạc. Khi quân Nguyên dụ dỗ ông đầu hàng sẽ được phong tước vương ở Trung Quốc, ông đã khẳng khái: "Ta thà làm quỷ nước Nam chứ

¹ Thời Hai Bà Trưng, làng Thạch Tổ có tên là "Văn Tổ". Theo: Tinh uy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: *Địa chí Hà Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.223, 1229.

² Trong sách "Việt sử lược", Hà Nội, 1960, tr.60, có ghi: "Năm Ất Tỵ, hiệu Ứng Thiên năm thứ 11 (1005), vua mất ở điện Trường Xuân, gọi là Đại Hành Vương, nhân lấy làm miếu hiệu, ở ngôi 27 năm, thọ 65 tuổi, cải nguyên 3 lần, an táng ở Đức Lăng, tại Trường Châu" (Trường Châu tức huyện Thanh Liêm - Hà Nam). Theo "Đại Nam nhất thống chí", tập 3, Huế, 1992, tr.207 có ghi: "mộ tổ Lê Đại Hành ở bên miếu xã Ninh Thái, huyện Thanh Liêm". Ngoài ra, trong nhiều cuốn sử như: "Khâm định Việt sử thông giám cương mục", "Việt Nam sử lược"... đều khẳng định Lê Hoàn là người Bảo Thái (Thanh Liêm - Hà Nam), còn Thanh Hoá là quê cha nuôi.

³ Trần Bình Trọng tên thật là Lê Phụ Trần, cháu đời thứ 8 của vua Lê Đại Hành, làm đại tướng, có công lớn cho nhà Trần, được nhà Trần ban quốc tính.

không thèm làm vương đất Bắc!". Giặc giết ông nhưng câu nói khí phách và tinh thần bất khuất của người anh hùng thì bất diệt. Ông mất lúc 26 tuổi, được truy phong Bảo Nghĩa Vương.

Thời nhà Hồ, đất Thanh Liêm được chọn làm nơi luyện tập binh mã, xây dựng phòng tuyến chống giặc phương Bắc. Thời kỳ thuộc Minh, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, những người con ưu tú của Thanh Liêm đã nô nức gia nhập nghĩa quân, chiến đấu giải phóng dân tộc. Tiêu biểu là Vũ Cố (ở Vũ Xá, nay thuộc Võ Giang - xã Thanh Thủy) - một người có tài bơi lội và giỏi võ thuật. Năm 13 tuổi cha mẹ chết, ông đi tầm sư học đạo, được thầy Hạc Lai (người Trung Quốc) dạy dỗ. Khi trưởng thành, ông trở về quê hương tổ chức hương binh, đưa đội quân của mình vào Lam Sơn tụ nghĩa, trở thành một danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn, lập nên nhiều chiến công. Vũ Cố được Lê Lợi cử làm tham tướng trong Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn, phụ trách việc tuyển binh và huấn luyện quân đội. Sau khi lên làm vua, Lê Lợi đã ban cho ông quốc tính là Lê Cố. Thần tích, thần sắc (hiện còn lưu giữ ở đình Ô Cách) cùng những truyền thuyết về ông vẫn còn được lưu truyền trong dân gian.

Thời kỳ đầu thực dân Pháp xâm lược, Bình Tây Tướng quân Đinh Công Tráng¹ chọn đất Thanh Liêm là nơi chiêu nạp nghĩa binh, rèn đúc vũ khí, dự trữ lương thảo để đánh Pháp. Đinh Công Tráng chiêu mộ trên 100 nghĩa sĩ, lập đồn tại nhà mình, ngày đêm luyện tập, canh phòng cẩn mật. Sau đó ông gửi thư khắp nơi kêu gọi, chiêu mộ được 400-500 nghĩa quân. Lực lượng nghĩa

¹ Đinh Công Tráng sinh ngày 14-1-1842 (năm Nhâm Dần) trong một gia đình nông dân, thuộc dòng tộc Đinh có từ lâu đời ở thôn Nham Trảng, xã Nham Kênh, tổng Cẩm Bồi (nay là xã Thanh Tân).

quân lớn mạnh, phối hợp với một số thủ lĩnh nghĩa quân và quan trong triều, ông tiến đánh và giải phóng phủ Bo (Ý Yên), chợ Dầu (Vụ Bản), đánh chiếm Non, giải phóng Phủ Lý, hạ thành Nam Định và Ninh Bình. Căm giận hành động bán nước hại dân của triều đình nhà Nguyễn, ông trả lại chức tước và ra đi tìm người nghĩa khí, ấp ủ khát vọng giành lại độc lập cho Tổ quốc. Khí phách anh hùng ấy thể hiện qua câu đối ông viết khi về chịu tang mẹ:

*"Hân vô lập tức thiên thai tứ đồng trượng dương Công Bắc Đẩu
Sầu bất phi thân vạn trượng giải thôi y thi nghị Nam Tào"¹.*

Đình Công Tráng tham gia chiến đấu với quân của Hoàng Kế Viêm (tên thật là Hoàng Tá Viêm) ở thành Sơn Tây; phối hợp với bộ chánh Nguyễn Văn Giáp và tuần phủ Nguyễn Quang Bích đánh giặc dọc các vùng Sông Thao (Phú Thọ), Hưng Hóa, Việt Trì; cùng đội quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc giành thắng lợi oanh liệt ở trận Cầu Giấy (19-5-1883).

Sau đó ông trở về quê hương, cấp tốc xây dựng thành lũy, tập hợp và tổ chức huấn luyện quân đội², phối hợp với quân Cờ Đen và quân của Hoàng Tá Viêm tổ chức các trận đánh xung quanh Hà Nội, tích cực chống càn ở vùng Nam Sang, Bình Lục, Vụ Bản. Suốt từ năm 1882 đến cuối năm 1885, Đình Công Tráng chỉ huy hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, tiêu biểu là những trận tấn công

¹ Tạm dịch là: *Giận vì không bước tới được cửa trời giờ gây đồng hội tội ông Bắc Đẩu. Buồn vì không nhảy cao vạn trượng cỡi phăng áo ra mà trách mắng ông Nam Tào.*

² Thời kỳ cao nhất, nghĩa quân lên tới 5.000 người gồm cả người Kinh, lính Cờ Đen, Mường, Thổ và tuần đình.

các đồn: Non, Tâng, Chàng, Thong... Thực dân Pháp phải đối phó cực kỳ khó khăn với cuộc chiến này; lực lượng địch thương vong lớn, có trận hàng trăm tên đã phải bỏ mạng¹, buộc phải tăng lực lượng lớn quân tiếp ứng, quyết tâm tiêu diệt nghĩa quân. Trước tình hình ấy, để bảo toàn lực lượng, Đinh Công Tráng kéo đại quân đánh chiếm vùng Gia Khánh, Gia Viễn, Nho Quan, Yên Khánh (Ninh Bình). Sau khi Tôn Thất Thuyết ra Thanh Hóa, nghe tiếng Đinh Công Tráng đã vội ông vào cùng với Phạm Bành xây dựng cứ điểm Ba Đình. Ba Đình là một cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam dưới ngọn cờ Cần Vương mà linh hồn của cuộc chiến đấu này là Đinh Công Tráng. Nhân dân Thanh Liêm tự hào có người con ưu tú, người anh hùng của căn cứ Ba Đình lừng lẫy.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dãy núi Khe Non, núi rừng Thanh Hải, Thanh Nghị, Thanh Thủy, Thanh Tâm, Kiện Khê là căn cứ địa của Liên khu III và của Tỉnh ủy Hà Nam. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn đánh chiếm các cao điểm và thiết lập đồn bốt trên đất Thanh Liêm. Hàng ngàn trận chiến đấu trực tiếp đã diễn ra giữa quân và dân Thanh Liêm với thực dân Pháp. Trong 9 năm kháng chiến, huyện Thanh Liêm vừa là khu căn cứ cách mạng, vừa là bàn đạp tiến công, vừa là chiến trường tiêu hao, tiêu diệt quân xâm lược.

Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm là nét nổi bật trong truyền thống lịch sử và văn hóa của người dân Thanh Liêm. Nó đã ăn sâu vào đời sống văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng và trong

¹ Trận đánh đồn Thong, tên đồn trưởng người Pháp đã phải rút súng tự sát.

tính cách của người dân nơi đây. Tuy nhiên, tinh thần ấy, truyền thống ấy trong bối cảnh lịch sử mới cũng đòi hỏi phải có những biện pháp phù hợp để khích lệ, động viên, phát huy thành nguồn sức mạnh to lớn, phục vụ sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc phòng.

III. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THANH LIÊM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Thanh Liêm là địa phương có nhiều tiềm năng về nguồn lực tự nhiên và nhân văn. Nhưng dưới chế độ thực dân phong kiến, những tiềm năng đó bị khai thác để phục vụ các mục đích xâm lược, có nguồn lực bị cạn kiệt, xói mòn, có nguồn lực bị triệt tiêu.

Về chính trị: nhằm tập trung quyền hành vào trong tay giai cấp thống trị, thực dân Pháp ra sức củng cố bộ máy thống trị từ huyện đến xã. Đứng đầu là tri huyện kiêm trách mọi việc hành chính, tư pháp trong huyện. Cấp tổng với chánh tổng và phó tổng là cấp trung gian giữa huyện với xã. Bộ máy chính quyền ở cấp làng xã gồm 2 bộ phận: Hội đồng kỳ mục (gồm tiên chỉ, thứ chỉ và các kỳ mục nắm quyền phán quyết mọi việc trong làng xã) và chức dịch hay lý dịch (gồm lý trưởng, phó lý và các dịch mục có nhiệm vụ thực hiện quyết định và ứng xử với chính quyền cấp trên). Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn xây dựng hệ thống đồn bốt (mỗi đồn có từ 15 đến 25 lính), nhà giam, cùng đội quân tay sai gồm lính cơ, lính đông, lính lệ (ở huyện) và trưng tuần, tuần đinh (ở xã). Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, khủng bố những hành động phản kháng, yêu nước của nhân dân.

Về kinh tế: Kinh tế của Thanh Liêm phát triển rất chậm, mang nặng tính chất tự cấp, tự túc. Đất trồng trọt phần lớn là đồng chiêm trũng, úng hạn thường xuyên. Dưới thời thực dân

phong kiến, hàng năm đồng ruộng ngập lụt, hạn hán, nạn vỡ đê, mất mùa thường xuyên xảy ra (đến nay vẫn còn dấu tích Quai Mễ). Do cách thức canh tác lạc hậu và đặc biệt là sự bóc lột của thực dân phong kiến nên nền sản xuất nông nghiệp của Thanh Liêm luôn trong tình trạng phân tán, độc canh, trì trệ, bấp bênh, đời sống nhân dân đói nghèo, xơ xác.

Thực dân Pháp tiến hành nhiều thủ đoạn bao chiếm ruộng đất của nông dân Thanh Liêm để lập các đồn điền trồng lúa, cà phê và chăn nuôi gia súc. Ngay từ năm 1883, anh em nhà Guyôm (Guill Aume), Bôren (Borel) đã vào vùng Kê Sở (Thanh Liêm), Quyển Sơn (Kim Bảng) khai thác đá, thăm dò lập đồn điền. Dưới ách cai trị của thực dân Pháp, hàng ngàn nông dân bị bần cùng hóa, bị mất ruộng đất buộc phải dời quê hương đi tha hương hoặc vào làm trong các đồn điền của người Pháp. Trong các đồn điền, người lao động bị đánh đập, bóc lột rất thậm tệ, đời sống khổ cực trăm bề. Pháp còn bắt hàng nghìn phu làm đường từ đốc Động (Liêm Cần), đốc Bói (Thanh Phong) lên đỉnh núi Chùa Tiên, xây tại đây một khu nghỉ mát phục vụ cho quan chức chính quyền thực dân.

Thời kỳ này, ngành thương nghiệp và các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống có bước phát triển nhất định. Việc buôn bán diễn ra khá sôi nổi với nhiều cửa hàng, cửa hiệu, kinh doanh các mặt hàng địa phương (nhất là lúa gạo) và từ nơi khác chuyên đến.

Về văn hóa: chính quyền thực dân phong kiến thực hiện chính sách ngu dân. Đến cuối năm 1930, toàn huyện mới chỉ có một trường kiêm bị dạy hết lớp 4 (tại Trà Châu). Đến năm 1940, một số xã mở trường hương sư (dạy hết lớp 3). Nhưng học sinh ở

các trường này thường là con em địa chủ, cường hào, quan lại..., còn nhân dân lao động hầu hết không được đi học. Thực dân, phong kiến còn đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện¹, nhà thổ công khai hành nghề ngay ở phố huyện; nạn cờ bạc thường xuyên diễn ra. Bên cạnh đó, bọn thống trị dung túng cho những hủ tục, mê tín dị đoan phát triển. Chúng lợi dụng một số tên phản động đội lốt Thiên chúa giáo để chia rẽ nhân dân, biến "thánh đường" thành cứ địa phá hoại cách mạng. Những cha cố người nước ngoài nói thạo tiếng Việt, hiểu phong tục, tập quán người Việt đã thâm nhập vào các thôn xã để dò la tin tức, điều tra cơ sở cách mạng, cán bộ hoạt động cách mạng rồi mật báo cho bọn thống trị đàn áp, khủng bố. Tất cả những thủ đoạn đó đều nhằm mục đích đầu độc tinh thần và hủy hoại thể chất của nhân dân, nô dịch, ru ngủ nhân dân để dần xóa nhòa ranh giới đấu tranh giữa những người dân mất nước với kẻ cướp nước.

Hệ quả chính sách thống trị và bóc lột của thực dân Pháp đã làm chuyển biến tính chất xã hội: từ xã hội phong kiến sang thuộc địa nửa phong kiến, đẩy nhanh sự phân hóa giai cấp. Tuy nhiên, mức độ phân hóa giữa các giai cấp rất khác nhau, thái độ chính trị của các giai cấp đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng khác nhau. Ở Thanh Liêm có 250 địa chủ lớn nhỏ, chiếm 3,5% dân số nhưng chiếm đoạt tới 50% ruộng đất. Bên cạnh những địa chủ gốc ở địa phương, có không ít địa chủ từ nơi khác đổ về Thanh Liêm chiếm ruộng đất, lập ấp trại. Nắm được

¹ Cả huyện có tới 3 đại bài bán rượu Phong-ten: Cà, phố Động, chợ Thành Cách; làng nào cũng có tiểu bài, có làng có 2-3 tiểu bài. Nạn thuốc phiện tràn lan, có làng tới 15 đên bàn (Thanh Khê, Trại, Chiền, Đào).

tư liệu sản xuất chủ yếu, giai cấp địa chủ có uy thế về chính trị, chúng tham gia bộ máy thống trị ở địa phương, ôm chân câu kết với đế quốc chống lại cách mạng. Điển hình là Phạm Quang Diệu, kẻ đã dẫn đường và tiếp tay cho Pháp xâm lược Bắc Kỳ và đàn áp cuộc khởi nghĩa của Đinh Công Tráng. Nhưng bên cạnh đó, một số địa chủ vừa và nhỏ sẵn có tinh thần yêu nước, lại bị chèn ép về kinh tế và chính trị, chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng nên đã ủng hộ hoặc trực tiếp tham gia các cuộc vận động yêu nước chống ngoại xâm.

Nông dân ở Thanh Liêm chiếm trên 90% dân số nhưng chỉ sở hữu 25% ruộng đất, thường là ruộng xấu, ruộng xa, lại luôn bị giai cấp thống trị tìm mọi cách chiếm đoạt. Chịu sưu cao, thuế nặng, tô, tức, phu phen, tạp dịch, gánh vác lệ làng..., nông dân dần mất ruộng đất, nhà cửa, quanh năm đói rách, nhiều người đã phải rời bỏ quê hương, bán quán. Trong nạn đói năm Ất Dậu (1945), huyện Thanh Liêm có hàng ngàn người chết đói, nhiều nhà cả gia đình chết đói. Ngoài ra còn hàng trăm người phải bỏ mạng trong các đồn điền cà phê, cao su của thực dân Pháp ở Đông Dương, Tân Đảo. Do vậy, nông dân Thanh Liêm có tinh thần yêu nước, lòng căm thù đế quốc, phong kiến sâu sắc.

Đội ngũ công nhân ở Thanh Liêm được hình thành từ khi thực dân Pháp mở đồn điền cà phê Vũ Xá (1883). Họ xuất thân từ nông dân, lại lao động theo phương thức thủ công lạc hậu nên trình độ khoa học - kỹ thuật và trình độ tổ chức còn thấp kém. Số công nhân tăng lên theo chính sách khai thác thuộc địa và chính sách bản cùng hóa nông dân của thực dân Pháp, có lúc lên tới 800 người. Bị bóc lột bằng tiền công rẻ mạt, lại thường xuyên bị cúp phạt, đánh đập, cho vay nặng lãi nên đời sống của người

công nhân Thanh Liêm vô cùng cực khổ. Vốn là người dân giàu lòng yêu quê hương, đất nước, lại bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột nên họ càng thiết tha với độc lập tự do, sẵn sàng đoàn kết đấu tranh.

Các tầng lớp lao động khác trong huyện cũng đều bị áp bức bóc lột, cuộc sống không kém phần cơ cực, tủi nhục, do vậy họ luôn mong muốn tự giải phóng khỏi ách thống trị, sẵn sàng đi theo cách mạng.

Những âm mưu, thủ đoạn áp bức về chính trị, khai thác, bóc lột về kinh tế, đầu độc về tinh thần, mê hoặc về tư tưởng, truy lạc về văn hóa của thực dân Pháp và bọn tay sai vẫn không thể làm phai nhạt tinh thần yêu nước nồng nàn và ý chí đấu tranh quyết khởi của nhân dân Thanh Liêm. Phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược tại địa phương diễn ra rất mạnh mẽ, quyết liệt, dưới nhiều hình thức: có những người trực tiếp khởi quân đấu tranh vũ trang trực diện với quân thù; có những người lại bền bỉ dùng thơ văn lên án quân xâm lược và bọn bán nước, giáo dục lòng yêu nước cho nhân dân. Điển hình là tên tuổi của Tú Tồn (thôn Rụt - xã Liêm Sơn), Ngự Mai (Vĩ Cầu), Ký Linh, Mền Cửu (Đống Sáu - xã Liêm Túc) và đặc biệt người anh hùng Bình Tây Tướng quân Đinh Công Tráng.

Sau khi cuộc khởi nghĩa do Đinh Công Tráng lãnh đạo bị thất bại, phong trào đấu tranh của nhân dân Thanh Liêm vẫn tiếp tục diễn ra quyết liệt. Năm 1914, nhân dân Đoàn Vĩ đấu tranh chống địa chủ cường hào gian ác chiếm đoạt công điền, đòi chúng phải trả lại ruộng đất và chia cho nhân dân. Năm 1927, nhân dân Đại Vượng, Kho Núi và nhiều nơi khác đấu tranh đòi giảm thuế thân...

Mặc dù không đi đến thắng lợi cuối cùng nhưng những cuộc đấu tranh ấy đã thể hiện lòng căm thù đế quốc Pháp xâm lược và bọn phong kiến phản động tay sai; thể hiện lòng yêu quê hương đất nước, truyền thống, khí phách quật cường của một vùng đất anh hùng. Tinh thần ấy, khí phách ấy là cơ sở bền chắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng bộ, nhân dân Thanh Liêm sau này và được nhân lên thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của đất nước.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẢNG BỘ THANH LIÊM RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

CHƯƠNG I

CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I. TIẾP THU ÁNH SÁNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI

Những năm đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động mạnh mẽ, ảnh hưởng trực tiếp tới phong trào cách mạng Việt Nam, trong đó có phong trào cách mạng ở Thanh Liêm.

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi (1917) cùng với sự ra đời của Liên Xô - nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - là bước ngoặt trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, tác động mạnh mẽ tới phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở đây ánh sáng và con đường cách mạng cho dân tộc; Người viết nhiều sách báo và gửi về nước tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng vô sản nhằm giáo dục, giác ngộ và khơi dậy lòng yêu nước, thương nòi trong nhân dân. Tuy thực dân Pháp ra sức

bung bít, xuyên tạc nhưng những sự kiện này vẫn sớm đến được với phong trào cách mạng ở trong nước, có tác động to lớn.

Sau khi phong trào đấu tranh vũ trang dưới ngọn cờ Cần Vương thất bại, nhân dân Việt Nam vẫn kiên trì đấu tranh dưới những hình thức khác nhau trên phạm vi cả nước như phong trào chống thuế, phong trào Đông Du, phong trào Đông Kinh nghĩa thực, phong trào đòi thả Phan Bội Châu, phong trào đề tang Phan Chu Trinh v.v.. Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản này tác động mạnh mẽ tới phong trào yêu nước của nhân dân Thanh Liêm. Thông qua sự tuyên truyền của các nhà nho yêu nước và thanh niên tân học, những tác phẩm văn thơ yêu nước như "Huyết lệ thư", "Chiêu hồn nước"¹ được lan truyền trong nhân dân, hun đúc lòng yêu nước thương nòi, chí căm thù đế quốc phong kiến. Trong những năm 1925-1926, mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố, nhưng nhân dân Thanh Liêm vẫn tích cực hưởng ứng phong trào cách mạng đang bùng lên mạnh mẽ trên khắp cả nước. Mùa hè năm 1926, có tới 200 người đã tham gia lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh được tổ chức tại chùa Bàu (thị trấn Phủ Lý)². Cuối năm đó, nhân dân Thanh Liêm còn sôi nổi tham gia cuộc vận động lấy chữ ký đòi thả Phan Bội Châu do nhóm thanh niên tiến bộ ở thị trấn Phủ Lý tổ chức. Bọn cầm quyền thực dân bắt những người đứng đầu cuộc vận động này. Nhưng trước sự đấu tranh quyết liệt của nhân dân, chúng buộc phải thả những người đã bắt.

¹ Tác giả là Phạm Tất Đắc (1909-1935), quê Lý Nhân - Hà Nam.

² Lúc này Phủ Lý chưa tách ra thành thị xã, vẫn là một thị trấn của huyện Thanh Liêm.